

Số: 64 /TB-ĐHCNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng nhân sự (đợt 2) năm 2022

Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT) trực thuộc Đại học Quốc gia Tp.HCM (ĐHQG-HCM) là một trong những Trường đại học công lập hàng đầu có uy tín về đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông. Hiện nay, Trường có nhu cầu tuyển dụng các vị trí sau:

1. TUYỂN DỤNG GIẢNG VIÊN/ TRỢ GIẢNG:

TT	Đơn vị	Chức danh	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
1	Khoa Công nghệ phần mềm - Số lượng: 04				
	Bộ môn Môi trường ảo & phát triển Game	Giảng viên	01	Giảng dạy các môn học như: Lập trình đồ họa 3 chiều với Direct3D, Phát triển và vận hành game, Thiết kế Game...	Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành về phát triển Game và các ngành có liên quan.
		Trợ giảng	01		Cử nhân/ Kỹ sư ngành Kỹ thuật Phần mềm tốt nghệ nghiệp loại Giỏi
	Bộ môn Phát triển phần mềm	Giảng viên	01	Giảng dạy các môn học chuyên ngành Phát triển phần mềm như: Đặc tả hình thức, Phương pháp mô hình hóa, Phát triển Phần mềm Hướng đối tượng...	Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành về phát triển phần mềm và các ngành có liên quan.
		Trợ giảng	01		Cử nhân/ Kỹ sư ngành Kỹ thuật Phần mềm tốt nghệ nghiệp loại Giỏi.

TT	Đơn vị	Chức danh	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
2	Khoa Hệ thống Thông tin - Số lượng: 06				
	Bộ môn Thương mại điện tử	Giảng viên	01	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn: Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động, Khai thác dữ liệu, Hệ hỗ trợ quyết định. - Hướng dẫn đề tài, khóa luận, luận văn, luận án cho SV. - Thực hiện NCKH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ/ Tiến sĩ ngành CNTT, TMĐT, có kinh nghiệm triển khai và quản trị các dự án TMĐT. - Ưu tiên cựu SV ĐHCNTT
		Trợ giảng	02	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy thực hành các môn: Phát triển ứng dụng Web, Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động, Tiếp thị trực tuyến, Khai thác dữ liệu, Thiết kế Hệ thống TMĐT. - Tham gia NCKH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân/ Kỹ sư tốt nghiệp loại Giỏi các ngành về CNTT, TMĐT. - Ưu tiên cựu SV ĐHCNTT.
	Bộ môn Hệ thống thông tin Quản lý	Giảng viên	02	Giảng dạy các môn hệ Đại học và Cao học chuyên ngành HTTT quản lý: Phân tích thiết kế HTTT nâng cao, Quản lý HTTT, An toàn bảo mật thông tin, Phân tích dữ liệu kinh doanh, Big Data, Điện toán đám mây, Kho dữ liệu và OLAP.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến sĩ ngành HTTT hoặc HTTT Quản lý - Thạc sĩ ngành HTTT hoặc CNTT
	Bộ môn Hệ thống thông tin Thông minh	Giảng viên	01	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn hệ Đại học và Cao học các môn HTTT thông minh: Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp, Hoạch định và quản trị chiến lược CNTT, Quản trị CNTT và quản lý rủi ro, Quản lý HTTT, Thống kê ứng dụng trong kinh doanh, Phân tích dữ liệu, Khai thác dữ liệu, Lập trình Java, Phát triển ứng dụng trên các Framework... - Hướng dẫn đề tài NCKH SV, HV cao học, luận văn, và khóa luận tốt nghiệp. 	Tiến sĩ, Thạc sĩ ngành HTTT hoặc CNTT

TT	Đơn vị	Chức danh	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
3	Khoa Khoa học máy tính - Số lượng: 03				
	Bộ môn Trí tuệ nhân tạo	Giảng viên	02	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn: Trí tuệ nhân tạo, Máy học, Xử lý dữ liệu lớn. - Tham gia, thực hiện các nghiên cứu về AI, Machine Learning. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ trở lên. - Có nguyện vọng công tác lâu dài (> 2 năm). - Có nguyện vọng học TS tại Trường (với ứng viên trình độ Thạc sĩ). - Ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng Anh. - Ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy về AI.
	Bộ môn Tính toán Đa phương tiện	Giảng viên	01	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn học cơ sở và chuyên ngành: Đồ họa máy tính và Xử lý ảnh, TGMT, Máy học trong TGMT, Thực tại ảo, Nhận dạng, Truy vấn thông tin đa phương tiện, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, máy học trong xử lý ngôn ngữ tự nhiên. - Tham gia, thực hiện các nghiên cứu về chuyên ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ trở lên. - Có nguyện vọng công tác lâu dài (> 2 năm). - Có nguyện vọng học TS tại Trường (với ứng viên trình độ Thạc sĩ). - Ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng Anh.
4	Khoa Kỹ thuật Máy tính - Số lượng: 05				
	Bộ môn Thiết kế vi mạch & phần cứng	Giảng viên	03	Giảng dạy các môn: Kiến trúc máy tính, Thiết kế hệ thống số với HDL, Thiết kế vi mạch số, Thiết kế vi mạch tương tự, Thiết kế luận lý số...	Tiến sĩ/ Thạc sĩ
		Trợ giảng	01		Đại học/ Kỹ sư

TT	Đơn vị	Chức danh	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
	Bộ môn Hệ thống nhúng & Robot	Trợ giảng	01	Giảng dạy các môn: Hệ điều hành, Thiết kế hệ thống nhúng, Thiết kế hệ thống nhúng không dây, Vi xử lý - Vi điều khiển, IoT, Công nghệ Robot...	Đại học/ Kỹ sư
5	Khoa Mạng máy tính & Truyền thông - Số lượng: 06				
	Bộ môn An toàn thông tin	Giảng viên	02	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn Cơ chế hoạt động của mã độc, Phân tích mã độc, Hệ nhận dạng và phòng chống tấn công, Lập trình hệ thống. - Hướng dẫn đề tài, luận văn, luận án cho sinh viên, học viên Cao học, Nghiên cứu sinh. - Thực hiện NCKH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ/ Tiến sĩ - Chuyên ngành An toàn thông tin, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính.
		Trợ giảng	02	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giảng dạy Thực hành các môn học trong CTĐT ngành ATTT của Khoa. - Hỗ trợ quản lý các Phòng thực hành, Phòng thí nghiệm Khoa đang quản lý. - Tham gia thực hiện các đề tài, dự án KH-CN do Khoa triển khai. - Tham gia và triển khai các hoạt động Hội SV/ Đoàn TN/ Cựu SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ/ Cử nhân/ Kỹ sư. - Ưu tiên chuyên ngành Mạng, Mạng không dây, Xử lý song song và Tính toán phân bố, Viễn thông, Kỹ thuật máy tính
	Bộ môn Truyền thông	Giảng viên	01	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn chuyên ngành truyền thông. - Hướng dẫn đề tài, luận văn, luận án cho sinh viên, học viên Cao học, Nghiên cứu sinh. - Thực hiện NCKH. 	Thạc sĩ/ Tiến sĩ chuyên ngành liên quan đến Mạng máy tính & Truyền thông, viễn thông.

TT	Đơn vị	Chức danh	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
	Bộ môn Mạng máy tính	Giảng viên	01	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy chương trình ThS ATTT (dành cho GV là TS/PGS) - Giảng dạy các môn chung Đại học: nhập môn mạng máy tính, Quản trị mạng và hệ thống, Hệ thống nhúng mạng không dây, Công nghệ IoTs hiện đại, Hệ tính toán phân bố, Tính toán lưới, Bảo mật IoTs. - Tham gia nhóm nghiên cứu UiTiOt, theo các định hướng nghiên cứu của Bộ môn. - Hướng dẫn đề tài, luận văn, luận án cho sinh viên, học viên Cao học, Nghiên cứu sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ/ Tiến sĩ - Ưu tiên chuyên ngành Mạng, Mạng không dây, Xử lý song song và Tính toán phân bố, Viễn thông, Kỹ thuật máy tính
6	Khoa Khoa học & Kỹ thuật thông tin - Số lượng: 03				
	Bộ môn Thiết bị di động & công nghệ Web	Giảng viên	03	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Giảng viên có học vị Tiến sĩ ngành CNTT, có khả năng giảng dạy các môn học liên quan đến Web và di động, có thể giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nhật. - 02 giảng viên có trình độ Thạc sĩ ngành CNTT, có khả năng giảng dạy các môn học liên quan đến Web và di động 	Tiến sĩ/Thạc sĩ

2. TUYỂN DỤNG NGHIÊN CỨU VIÊN:

TT	Đơn vị	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
1	Phòng TN Truyền thông Đa phương tiện	02	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đề tài NCKH các cấp, hợp tác doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, viết bài báo khoa học. - Hỗ trợ giảng viên hướng dẫn sinh viên làm luận văn, trợ giảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành phù hợp: Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu. - Có kỹ năng làm việc nhóm. - Nắm vững các quy định về nghiên cứu khoa học, luật sở hữu trí tuệ, giáo dục.
2	Phòng TN An toàn thông tin	03	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các dự án như nghiên cứu về mã độc trên các thiết bị di động, các dự án về an ninh thông tin liên quan đến hạ tầng như SDN, điện toán đám mây, Blockchain. - Tham gia giảng dạy, trợ giảng các môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp ĐH loại giỏi chuyên ngành An toàn thông tin, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính... - Có kỹ năng tư vấn, làm việc nhóm. - Nắm vững các quy định về nghiên cứu khoa học, luật sở hữu trí tuệ, giáo dục.
3	Phòng TN Hệ thống thông tin	01	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và ứng dụng các chủ đề liên quan đến phân tích dữ liệu, AI, thị giác máy tính... - Tham gia nhóm nghiên cứu thuộc phòng thí nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành CNTT, ưu tiên các chuyên ngành Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật dữ liệu, Công nghệ phần mềm. - Có kỹ năng lập trình tốt. Ưu tiên cho các ngôn ngữ lập trình như python, C/C++. - Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua các đề tài như luận văn, NCKH sinh viên, các dự án nghiên cứu khác.

3. TUYỂN DỤNG CHUYÊN VIÊN:

TT	Đơn vị	Số lượng	Mô tả công việc	Tiêu chuẩn
1	Phòng Dữ liệu & Công nghệ thông tin	01	Phát triển phần mềm ứng dụng mới, bảo trì các ứng dụng đang triển khai, hỗ trợ người dùng khai thác phần mềm hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp ĐH trở lên ngành CNTT hoặc những chuyên ngành có liên quan. - Ưu tiên thông thạo lập trình PHP và ứng dụng web. - Có chứng chỉ về Ngoại ngữ đáp ứng công việc. - Có tinh thần học hỏi và yêu thích lập trình.

4. TIÊU CHUẨN CHUNG:

- Trình độ:

- + Giảng viên: Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên.
- + Nghiên cứu viên: Tốt nghiệp cử nhân/kỹ sư trở lên.
- + Chuyên viên: Tốt nghiệp cử nhân/kỹ sư trở lên.

- Ngoại ngữ:

+ Giảng viên: Đạt trình độ ngoại ngữ B2 (giảng viên IELTS 5.5, trợ giảng IELTS 5.0) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật (theo bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ đính kèm).

+ Nghiên cứu viên: Đạt trình độ ngoại ngữ B1 (IELTS 4.5) hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật (theo bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ đính kèm).

+ Chuyên viên: Đạt trình độ ngoại ngữ A2 (IELTS 3.5) hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật (theo bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ đính kèm).

➤ *Được miễn chứng chỉ ngoại ngữ nếu tốt nghiệp một bậc đào tạo có thời gian 3 năm trở lên ở nước ngoài, sử dụng một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật trong quá trình học tập.*

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên/ Nghiên cứu viên/ Chuyên viên (có thể bổ sung sau khi trúng tuyển).

- Có kỹ năng giao tiếp, có đủ sức khỏe, có ngoại hình phù hợp với công việc.
- Có nguyện vọng làm việc lâu dài tại Trường.

5. QUYỀN LỢI:

- Lương cơ bản: Theo quy định của Nhà nước. Được nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn nếu lập thành tích xuất sắc trong công tác.
- Phụ cấp: Theo quy định của Trường (sẽ được thông tin trong buổi phỏng vấn).
- **Đối với ứng viên ứng tuyển Giảng viên/ Nghiên cứu viên có trình độ Tiến sĩ: Có thể tham gia “Đề án tuyển dụng nhân viên có Trình độ Tiến sĩ theo mức chi trả cam kết” với mức thu nhập từ 25 – 55 triệu/tháng.**
- Các chế độ phúc lợi khác: Nghỉ phép, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, công tác phí, nghỉ hè, khó khăn đột xuất, tiền ăn trưa, dụng cụ làm việc... theo quy định của Nhà nước và của Trường.
- Thưởng: Lễ, Tết, thưởng do lập thành tích xuất sắc...
- BHXH, BHYT, BHTN theo quy định Nhà nước.
- Được cử và xem xét hỗ trợ kinh phí tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng trong nước và quốc tế.
- Được hỗ trợ sắp xếp ở Nhà công vụ ĐHQG-HCM, xe đưa đón (từ nội thành TP. HCM đến Trường và ngược lại)...

6. THỜI HẠN NHẬN HỒ SƠ:

Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **15/07/2022**.

7. LIÊN HỆ VÀ NỘP HỒ SƠ:

Hồ sơ ứng tuyển gửi về hộp thư điện tử (email): tuyendung@uit.edu.vn. Hồ sơ gửi qua email gồm có:

- ☛ Đơn ứng tuyển;
- ☛ CV/ Resumé;
- ☛ Sơ yếu lý lịch (biểu mẫu QT/BM-01);
- ☛ Bản chụp các văn bằng (có kèm bảng điểm) và các chứng chỉ;
- ☛ Thư giới thiệu của người có uy tín (nếu có);

Mọi thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường ĐHCNTT (Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 37251993 #107)/.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCHC, Sn.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Mai Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh

3 x 4

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Sơ lược lý lịch:

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ:
- Nơi sinh:
- Thường trú tại:
- Địa chỉ liên hệ:
- Nghề nghiệp:
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay (nếu là cán bộ, công chức):
-
- Dân tộc: Tôn giáo:
- Thành phần gia đình:
- Thành phần bản thân:
- Ngày vào Đoàn:
- Ngày vào Đảng: Ngày chính thức:
- Trình độ: + Văn hóa:
- + Ngoại ngữ:
- + Tin học:
- + Chuyên môn:

II. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đã làm những công việc gì (kể cả hợp đồng lao động) trong cơ quan, đơn vị, tổ chức nào, ở đâu?

III. Quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Tên trường / cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Văn bằng, chứng chỉ
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....
...../.....-...../.....

Ghi chú: **Hình thức đào tạo, bồi dưỡng** bao gồm: chính qui, tại chức, chuyên tu,

Văn bằng bao gồm: tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, ..

IV. Khen thưởng:

Tháng, năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Cấp quyết định

V. Kỷ luật:

Tháng, năm	Lý do và hình thức kỷ luật	Cấp quyết định

VI. Quan hệ gia đình:

- Họ tên cha: Năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:
- Họ tên mẹ: Năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:
- Họ tên Vợ hoặc Chồng:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:
- Họ tên các con (năm sinh, đang làm gì? ở đâu?):
-
- Họ tên anh, chị, em (năm sinh, đang làm gì? ở đâu?):
-

Cam kết những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm

XÁC NHẬN CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 1

BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	TOEFL ITP	Cambridge Tests	Chuẩn VN
C2	7.5+	910+	600+	250+	100+	630+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE	6
C1	7.0 - 6.0	850	577 - 540	236 - 213	95 - 80	550	60 - 79 CAE 80 - 100 FCE	5
B2	5.5 - 5.0	600-	527 - 480	197 - 173	71 - 61	500	60 - 79 FCE 80 - 100 PET	4
B1	4.5 - 4.0	450	477 - 450	153 - 126	53 - 42	450	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	3
A2	3.5 - 3.0	400	340	96	31	337	45 - 64 PET 70 - 89 KET	2
A1	< 3.0	< 400	< 340	< 96	< 31		45 - 69 KET	1

Ghi chú: Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ – BGDDT ngày 02/12/2008 của Bộ GD&ĐT; Thông báo số 681/TB-BGDĐT ngày 30/05/2013 về việc “Thông báo Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển tại cuộc họp về dự thảo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”

PHỤ LỤC 2

VĂN BẰNG TIẾNG PHÁP CẤP THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CEFR

DELFD-DALF bao gồm 6 văn bằng độc lập tương đương với 6 cấp độ theo Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ.

- DELF A1: trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp khám phá (découverte)
- DELF A2: trình độ giao tiếp sơ trung cấp (survie)

- DELF B1: trình độ giao tiếp ngưỡng (seuil)
- DELF B2: trình độ giao tiếp độc lập (indépendant)
- DALF C1: trình độ giao tiếp tự chủ (autonome)
- DALF C2: giao tiếp ở trình độ cao (maîtrise)

PHỤ LỤC 3

BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ NĂM VỮNG TIẾNG NGA KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CEFR

Kỳ thi TRKI có tên gọi tiếng Anh là: Test of Russian as a Foreign Language

Chứng chỉ tiếng Nga	Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR	Giải thích
ТЭУ (TEU) Elementary Level	A – 1 (Breakthrough)	Chứng nhận có khả năng tối thiểu để giao tiếp hàng ngày
ТБУ (TBU) Immediate Level	A – 2 (Waystage)	Chứng nhận có trình độ sơ cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, xã hội và văn hóa
ТРКИ-1 (TRKI-1) Certificate Level 1	B-1 (Threshold)	Chứng nhận có trình độ trung cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để học ở các trường ĐH của Nga)
ТРКИ-2 (TRKI-2) Certificate Level 2	B-2 (Vantage)	Chứng nhận có trình độ cao để giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Người học có thể làm việc bằng tiếng Nga trong các lĩnh vực khác nhau. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng cử nhân hoặc thạc sỹ)
ТРКИ-3 (TRKI-3) Certificate Level 3	C-1 (Effective Operational Proficiency)	Chứng nhận đạt được trình độ cao để giao tiếp trong các lĩnh vực, cho phép người học làm việc bằng tiếng Nga với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chủ biên của một tạp chí, nhà ngoại giao và nhà lãnh đạo của một cộng đồng nói tiếng Nga
ТРКИ-4 (TRKI-4) Certificate Level 4	C-2 (Mastery)	Chứng nhận đạt được khả năng nắm vững tiếng Nga một cách thông thạo, gần với trình độ của một người bản ngữ. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ ngôn ngữ học)

PHỤ LỤC 4

BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ TIẾNG TRUNG (HSK) THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ

Bảng quy đổi các cấp của HSK mới với “tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR:

HSK mới	Lượng từ vựng	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - (CEFR)
HSK cấp 6	Hơn 5000	Cấp 5	C2
HSK cấp 5	2500	Cấp 5	C1
HSK cấp 4	1200	Cấp 4	B2
HSK cấp 3	600	Cấp 3	B1
HSK cấp 2	300	Cấp 2	A2
HSK cấp 1	150	Cấp 1	A1

- HSK cấp 1: Có thể hiểu và sử dụng được những từ ngữ hoặc câu tiếng Hán rất đơn giản, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể.
- HSK cấp 2: Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành hội thoại giao lưu trực tiếp đơn giản với các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.
- HSK cấp 3: Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.
- HSK cấp 4: Có thể dùng tiếng Hán để trao đổi về các chủ đề thuộc các lĩnh vực rộng hơn, đồng thời có thể giao lưu một cách trôi chảy, lưu loát với người bản địa.
- HSK cấp 5: Có thể đọc hiểu báo chí tiếng Trung, thưởng thức các tiết mục phim ảnh tiếng Trung và dùng tiếng Hán để tiến hành thuyết trình một cách tương đối hoàn chỉnh.
- HSK cấp 6: Có thể dễ dàng nghe và đọc hiểu các tin tức tiếng Trung, đồng thời biểu đạt trôi chảy được quan điểm của mình qua ngôn ngữ nói hoặc viết.

PHỤ LỤC 5

QUY ĐỔI CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG ĐỨC

SANG KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CERF

- Có nhiều loại chứng chỉ tiếng Đức khác nhau, việc quy đổi các chứng chỉ tiếng Đức sang khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ, có thể tham khảo quy định của Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức tại Việt nam (DAAD Việt nam), tại địa chỉ trang Web <http://www.daadvn.org/vi/26555/>.

